

Số: **68** /2022/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **28** tháng **11** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 39/TTr-KHĐT ngày 24 tháng 10 năm 2022, Công văn số 3699/KHĐT-KTĐN ngày 18 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 872/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ KHĐT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU; các Ban TU;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- Đài PT-TH HP, Báo HP, Công báo TP;
- Công TTĐT TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Các Phòng CV;
- CV: KTĐN, TC, XD, TP, NV;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Kèm theo Quyết định số 68 /2022/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan, đối tượng được tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ/chủ dự án, Ban Quản lý dự án trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc do thành phố thụ hưởng từ các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành cấp Trung ương phê duyệt, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại để thực hiện các mục tiêu phát triển và nhân đạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan, các đối tượng được tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ/chủ dự án, Ban Quản lý dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 và Khoản 1, Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam.

2. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

3. Bảo đảm tính chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời trong quá trình phối hợp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Trao đổi, cung cấp thông tin về dự án viện trợ phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin về dự án viện trợ phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin về dự án viện trợ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra dự án viện trợ phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của dự án.

Điều 3. Hình thức thực hiện

1. Trao đổi ý kiến hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành theo đề nghị của cơ quan chủ trì.
3. Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.
4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 4. Phối hợp trong công tác thẩm định, phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án

1. Đơn vị đề xuất tiếp nhận viện trợ (*Chủ khoản viện trợ/chủ dự án dự kiến được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thực hiện khoản viện trợ sau này*) có trách nhiệm:

Lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt khoản viện trợ.

Giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ trong vòng 03 ngày trong trường hợp Cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

Hướng dẫn đơn vị đề xuất tiếp nhận viện trợ hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Chủ trì thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ hoặc sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định của đơn vị đề xuất tiếp nhận viện trợ.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ khoản viện trợ, trong vòng 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản thông báo, hướng dẫn đơn vị đề xuất tiếp nhận viện trợ hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản tham vấn gửi Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an thành phố và các đơn vị, cơ quan liên quan. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan chức năng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thẩm định. Trường hợp khoản viện trợ đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt khoản viện trợ. Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan

Căn cứ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trên cơ sở yêu cầu phối hợp của Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản tham vấn (kèm theo đầy đủ hồ sơ có liên quan), cơ quan chức năng liên quan trả lời bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Để đảm bảo thời gian thẩm định theo quy định, nếu quá thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan chức năng được hỏi tham vấn không có văn bản tham gia ý kiến thì chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc chậm hoặc không có ý kiến đối với nội dung lĩnh vực chuyên ngành được hỏi ý kiến. Sở Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan chủ trì thẩm định sẽ tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng thời gian quy định.

4. Công tác phối hợp trong quá trình điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án đã được phê duyệt được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 4 của Quy chế này.

Điều 5. Công tác quản lý, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả quản lý, sử dụng viện trợ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ về quản lý, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả quản lý, sử dụng viện trợ theo quy định tại Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Chủ động cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan chức năng chuyên ngành về các dấu hiệu vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các sai phạm vượt thẩm quyền xử lý và/hoặc các dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật.

Thanh tra Sở chịu trách nhiệm xử lý các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

Sở Tài chính hướng dẫn chủ khoản viện trợ/chủ dự án trong việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ; giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, việc sử dụng vốn đối ứng thực hiện chương trình, dự án.

Công an thành phố tổ chức quản lý, giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố ngay từ bước đầu triển khai khoản viện trợ; chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ.

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành, các cơ quan chức năng chủ động rà soát, nắm bắt thông tin về tình hình sử dụng viện trợ, kịp thời thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị khác có liên quan về các sai phạm hoặc các dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố nhằm tăng hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy tính hiệu quả của công tác thông tin hai chiều có trọng tâm, trọng điểm.

3. Chủ khoản viện trợ/chủ dự án có trách nhiệm

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm, chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin tình hình vận động, tiếp nhận sử dụng khoản viện trợ khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng chuyên ngành

Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 6. Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng viện trợ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, thanh tra đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm đảm bảo không trùng nội dung kiểm tra giữa các cơ quan trong năm. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm:

- (i) Tình hình triển khai thực hiện khoản viện trợ (theo quy định tại Quyết định phê duyệt khoản viện trợ và nội dung văn kiện dự án được phê duyệt);
- (ii) Tình hình chấp hành đúng nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ
- (iii) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ khoản viện trợ/chủ dự án.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra đột xuất nhằm đánh giá tình hình hoạt động, mức độ vi phạm (nếu có) và đưa ra các biện pháp xử lý đảm bảo hiệu quả, kịp thời, đúng quy định pháp luật.

2. Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành

Sở Tài chính phối hợp kiểm tra việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, việc sử dụng vốn đối ứng thực hiện chương trình, dự án; đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ.

Công an thành phố phối hợp kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ; tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Sở Ngoại vụ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và theo đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm chính trong việc thẩm định, quản lý các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ và tổng hợp chung tình hình

sử dụng viện trợ theo định kỳ để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan, cụ thể như sau:

1. Hướng dẫn chủ khoản viện trợ/chủ dự án lập hồ sơ khoản viện trợ, triển khai chương trình, dự án và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Chủ trì thẩm định theo quy trình và quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy chế này.

3. Chủ trì bố trí vốn đối ứng (vốn chi đầu tư) và phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn đối ứng (vốn chi thường xuyên) trong kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ theo quy định.

4. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện việc theo dõi, đánh giá, đồng thời tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra tình hình, kết quả quản lý, sử dụng viện trợ; kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và đề xuất biện pháp xử lý.

5. Tổng hợp báo cáo về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

6. Chủ trì đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối về xúc tiến và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố; phối hợp với Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị thành phố thúc đẩy hợp tác, xúc tiến, vận động, điều phối viện trợ của các tổ chức hòa bình, hội hữu nghị, tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài;

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; tham gia giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố.

3. Cung cấp thường xuyên, đầy đủ thông tin về tình hình cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động, giấy đăng ký lập văn phòng dự án, giấy đăng ký lập văn phòng đại diện, thông báo việc đình chỉ, chấm dứt hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động, thẩm định và quản lý việc sử dụng các khoản viện trợ viện trợ theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ, khả năng bố trí vốn đối ứng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, việc sử dụng vốn đối ứng thực hiện chương trình, dự án

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách thành phố hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

4. Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan tham gia giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố.

6. Có văn bản xác nhận viện trợ (*đối với viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách địa phương*), làm cơ sở thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 10. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các chủ khoản viện trợ/chủ dự án trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ.

3. Chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục Hải quan thành phố

Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố thực hiện các quy định về tiếp nhận các khoản viện trợ phi dự án, các hàng hóa nhập khẩu thông qua việc cung cấp viện trợ dưới dạng hiện vật, hàng hóa, vật tư, thiết bị... cho các mục đích nhân đạo, từ thiện theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Hải Phòng

1. Hướng dẫn các chủ khoản viện trợ/chủ dự án, Ban Quản lý dự án trình tự, thủ tục mở tài khoản (tài khoản vốn đối ứng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn viện trợ) tại Kho bạc Nhà nước và quản lý, sử dụng tài khoản theo quy định.

2. Tổ chức việc kiểm soát chi, thanh toán, hạch toán ghi thu ghi chi cho dự án từ nguồn vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ.

2. Hàng năm xây dựng kế hoạch, nhu cầu kêu gọi viện trợ gửi về Sở Ngoại vụ để tổng hợp (nếu có).

3. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ khoản viện trợ/chủ dự án

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ/chủ dự án có trách nhiệm ký kết chính thức Văn kiện dự án với Bên cung cấp viện trợ và gửi Văn kiện dự án đã ký cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo.

2. Thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ khoản viện trợ/chủ dự án quản lý thực hiện một hoặc một số chương trình, dự án. Ban quản lý dự án đại diện cho chủ dự án, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về các quyết định của mình.

3. Sử dụng nguồn viện trợ đúng mục tiêu theo dự án đã được phê duyệt, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tiếp nhận, sử dụng và quản lý tài chính. Có trách nhiệm báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về tình hình tiếp nhận, sử dụng viện trợ khi có hoạt động thanh tra, kiểm tra

4. Xây dựng và gửi báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm, các báo cáo đột xuất và báo cáo kết thúc cho Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đồng thời gửi báo cáo tới Ủy ban nhân dân các quận, huyện (nơi địa điểm thực hiện dự án) để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo theo nhiệm vụ được giao. Số liệu báo cáo định kỳ chốt đến ngày 20/6 và 20/12 hàng năm, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án

1. Ban quản lý dự án phải mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

2. Sử dụng nguồn viện trợ đúng mục tiêu theo dự án đã được phê duyệt, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tiếp nhận, sử dụng và quản lý tài chính. Có trách nhiệm báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về tình hình tiếp nhận, sử dụng viện trợ khi có hoạt động thanh tra, kiểm tra.

3. Xây dựng và gửi báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm, các báo cáo đột xuất và báo cáo kết thúc cho chủ dự án, làm cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đồng thời gửi báo cáo tới Ủy ban nhân dân các quận, huyện (nơi địa điểm thực hiện dự án) để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo theo nhiệm vụ được giao. Số liệu báo cáo định kỳ chốt đến ngày 20/6 và 20/12 hàng năm, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./